TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 29-11-2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Thẩm phán: Ông Bằng Công Hiệp

Bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Thúy-Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2023/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về ly hôn. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 66/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/QĐPT-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1982 (có mặt)

HKTT: TDP T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Kiều H, sinh năm 1978 (Theo trích lục kết hôn số 155/2023/TLKH-BS ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân phường Đ: Phạm Kiều H, sinh năm 1979). Có mặt.

Địa chỉ: TDP Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người kháng cáo: Anh Phạm Kiều H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án sơ thẩm nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Kiều H kết hôn với nhau vào năm 2001, trước khi kết hôn có được tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà chồng ở phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H cờ bạc, rượu chè nợ nần dẫn đến phải bán nhà, một tháng thì 10 ngày uống rượu mỗi lần uống rượu đều say và chửi bới vợ con, xúc phạm đến chị và gia đình nhà chị, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do thường xuyên bị anh chửi và phá đồ đạc không cho chị làm ăn nên chị đã bỏ nhà đi từ

tháng 04 năm 2023 đến nay. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh H và xin tòa án cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Anh H1, sinh ngày 29/10/2002, hiện nay cháu H1 đã trưởng thành, đã đi làm và tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Kiều H trình bày: Anh xác định toàn bộ ý kiến và lời khai của chị T về việc kết hôn và quan hệ hôn nhân là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh cờ bạc rượu chè, thi thoảng anh có chơi và uống rượu, chửi bới vợ con. Nhưng anh chửi chị T vì cho rằng chị T có người đàn ông khác nên chán chồng, không cho anh gần gũi chuyện vợ chồng khiến anh bức xúc. Năm 2014 có việc anh nợ nần và bán nhà, nhưng năm 2016 mẹ anh có mua đất và xây lại nhà mới cho hai vợ chồng anh ở. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vào tháng 4 năm 2023 hai vợ chồng cãi nhau vì anh vay chị T 2.000.000đ để sửa xe nhưng chị T không đồng ý, chị T bỏ đi từ đó đến nay. Đến nay anh vẫn còn tình cảm với chị T và thương con, chị T đề nghị ly hôn thì anh không nhất trí.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Phạm Anh H1, sinh ngày 29/10/2002, hiện nay cháu H1 đã trưởng thành, đã đi làm và tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, cháu Phạm Anh H1 trình bày: Hiện nay cháu đang đi học và đi làm, có đủ khả năng nuôi sống bản thân, không cần bố mẹ phải cấp dưỡng. Cuộc sống gia đình cháu không hạnh phúc, bố cháu càng ngày càng nát rượu, cờ bạc, chửi mắng gia đình. Cháu thấy mẹ cháu không còn tình cảm với bố và rất sợ hãi.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân phố Đ và Công an phường Đ: Xác nhận vợ chồng chị T, anh H có mâu thuẫn, do anh H thường xuyên uống rượu và chửi bới chị T. Chị T có báo chính quyền địa phương nhiều lần nhưng do là chuyện gia đình nên sau chị T và anh H đã tự giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số 66/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Phạm Kiều H.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2023, anh Phạm Kiều H có đơn kháng cáo không nhất trí ly hôn với vợ vì anh vẫn còn tình cảm và yêu thương vợ, ngày tháng năm sinh của anh là sinh năm 1978 nhưng trong giấy kết hôn của anh lại ghi sinh năm 1979.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh H giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Chị T không nhất trí đoàn tụ với anh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ ký vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 66/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Anh H phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Phạm Kiều H làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo hợp lệ nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của anh Phạm Kiều H về nội dung không nhất trí ly hôn với chị T: Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Phạm Kiều H và chị Bùi Thị T kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho rằng, do anh H hay uống rượu về nhà chửi bới đánh chị, xúc phạm đến chị và gia đình nhà chị, chơi cờ bạc, nợ nần dẫn đến phải bán nhà. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm, chị T xác định đến nay không còn tình cảm vợ chồng, yêu thương anh H và không thể tiếp tục chung sống cùng anh H.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau…”. Theo chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H. Tòa án sơ thẩm cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Anh H kháng cáo đề nghị được đoàn tụ với chị T, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét nội dung anh H kháng cáo cho rằng: Anh sinh năm 1978 nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn lại ghi sinh năm 1979. Về nội dung này, Toà án cấp sơ thẩm đã xác minh làm rõ, có đầy đủ các tài liệu do cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn và tại Công an thành phố T cung cấp lưu trong hồ sơ vụ án. Bản án sơ thẩm đã ghi bị đơn: Anh Phạm Kiều H, sinh năm 1978 (Theo trích lục kết hôn số 155/2023/TLKH-BS ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân phường Đ: Phạm Kiều H, sinh năm 1979) là có cơ sở. Do vậy kháng cáo của anh H nội dung nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Do anh H không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Phạm Kiều H.

Giữ nguyên phần quyết định về quan hệ hôn nhân tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 66/2023/HNGĐ -ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Phạm Kiều H.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Kiều H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002118 ngày 20/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Các quyết định khác của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 66/2023/HNGĐ -ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bằng Công Hiệp- Nguyễn Thị Thủy Lê Thị Hồng P

Nơi nhận:
- TAND TP Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương

Nơi nhận:
- TAND TPTN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- VP TAT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương